

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDGD ngày 16/3/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum)*

Tên chương trình đào tạo: Ôn thi Chứng chỉ Cambridge PET (Revision for PET).

Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đầu vào: Học sinh, sinh viên, người đi làm đạt trình độ năng lực Tiếng Anh tương đương bậc B1 có nhu cầu cải thiện năng lực tiếng Anh ở trình độ bậc 3 theo Khung tham chiếu Châu Âu.

Thời gian đào tạo: 90 giờ.

A. MÔ TẢ VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Khóa học ôn tập cho người học kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tương đương bậc B1; giúp người học từng bước xây dựng nền tảng và phát triển các kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết, cung cấp kiến thức cuộc sống qua mỗi bài học, đặc biệt là luyện tập khả năng phản xạ để trở nên mạnh dạn và tự tin hơn khi giao tiếp bằng Tiếng Anh với người nước ngoài hay trước đám đông; cập nhật các dạng bài tập trong cấu trúc đề thi tiếng Anh ở trình độ B1 theo format đề thi mới từ năm 2020. Khóa đào tạo giúp phát huy năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp người học có ý thức tự giác trong học tập và nghiên cứu; có phương pháp học tập tích cực và trau dồi kiến thức Tiếng Anh để luyện thi chứng chỉ B1 đạt hiệu quả.

B. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Sau khi học xong chương trình, người học có khả năng:

I. Về kiến thức

1. Phát triển vốn từ vựng, câu và cấu trúc thông dụng được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin cơ bản về gia đình, bản thân, mua sắm, địa lý địa phương, việc làm, chủ đề riêng biệt và cụ thể...) để làm bài thi.

2. Phân biệt các điểm ngữ pháp thường gặp trong bài thi.

3. Phân tích các dạng bài thi trong bài test đánh giá năng lực chuẩn thiết kế theo chuẩn Cambridge trình độ B1 theo format mới.

II. Về kỹ năng

1. Nghe hiểu các thuật ngữ và từ vựng quen thuộc có liên quan đến các chủ đề quen thuộc (bản thân tôi, gia đình tôi, mua sắm, môi trường thân quen, công việc), hiểu ý chính các câu chuyện, bài báo, đoạn trích dẫn, bài phát biểu, phỏng vấn rõ ràng.

2. Đọc hiểu ý chính từ các văn bản ngắn, các biển báo, báo, tạp chí.

3. Thực hành các mẫu câu hoặc các cấu trúc để miêu tả về gia đình, những người khác, điều kiện sống, chương trình học, trải nghiệm bản thân, câu chuyện với chủ đề cụ thể và các hoạt động nghề nghiệp hiện tại hoặc tương lai.

4. Viết về quan điểm cá nhân về các vấn đề văn hóa, xã hội bằng cách sử dụng từ vựng và cấu trúc chính xác.

5. Thực hành tốt các bài luyện thi.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Học tập tích cực và trau dồi kiến thức, có năng lực tự học và tự tin trong giao tiếp.

2. Nghiêm túc, sáng tạo, chịu khó học hỏi.

3. Ý thức được tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực Tiếng Anh toàn diện với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

4. Điều chỉnh hành vi và thái độ trong giao tiếp với mọi người, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc theo nhóm.

C. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 90 giờ, trong đó:

I. Lý thuyết: 30 giờ.

II. Thực hành: 60 giờ.

D. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1.	Unit 1 : All about me!(1) 1. Grammar 2. Reading part 2& part 5 3. Writing: Emails	11	4	7

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
	4. Listening part 2 5. Speaking part 1			
2.	Unit 2: Winning & Losing (1) 1. Grammar 2. Reading part 4 & part 5 3. Writing part 2 4. Listening part 3 5. Speaking part 3	11	4	7
3.	Unit 3: Let's shop!(1) 1. Grammar 2. Reading part 5 3. Writing part 2 4. Listening part 4 5. Speaking part 4	11	4	7
4.	Unit 4: Star quality (1) 1. Grammar 2. Reading part 4 3. Writing part 2 4. Listening part 1 5. Speaking part 2	11	4	7
5.	Unit 5: Extreme diets (1) 1. Grammar 2. Reading part 1 3. Writing part 1 4. Listening part 3	11	4	7

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
	5. Speaking part 1			
6.	Unit 6: My home (1) 1. Grammar 2. Reading part 3 3. Writing part 2 4. Listening part 1 5. Speaking part 3	11	4	7
7.	Unit 7: In the wild (1) 1. Grammar 2. Reading part 6 3. Writing part 2 4. Listening part 4 5. Speaking part 2	12	3	9
8.	Unit 8: We're off!(1) 1. Grammar 2. Reading part 3 3. Writing part 2 4. Listening part 2 5. Speaking part 4	12	3	9
	Tổng cộng	90	30	60

E. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

UNIT 1: ALL ABOUT ME!

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về thông tin cá nhân, phân biệt các Modals (have to - don't have to, must - mustn't, can - can't, should - shouldn't) và cách dùng của thì Hiện tại đơn và Hiện tại tiếp diễn;

2. Thực hành kiến thức đã học để nói về chủ đề học đường như chương trình môn học, thể thao, cơ sở vật chất.

3. Tích cực nghiên cứu tài liệu, hoạt động theo nhóm tổ chức thảo luận tại lớp.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Reading part 2 & part 5

3. Writing: Emails

4. Listening part 2

5. Speaking part 1

UNIT 2: WINNING & LOSING

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả từ vựng về hoạt động thể thao, sở thích cá nhân, phân biệt cách dùng của thì Quá khứ đơn và Quá khứ tiếp diễn.

2. Thực hành kiến thức đã học để nói về sở thích, thể hiện ý kiến cá nhân, đưa ra quan điểm cá nhân.

3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Reading part 4 & part 5

3. Writing part 2

4. Listening part 3

5. Speaking part 3

UNIT 3: LET'S SHOP

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân loại từ vựng về quần áo, trang sức, chất liệu và dịch vụ mua sắm, phân biệt vị trí các tính từ, phân biệt các cấu trúc so sánh hơn và nhất của tính từ.

2. Thực hành kỹ năng miêu tả về quần áo, trang sức, chất liệu và dịch vụ mua sắm.

3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Reading part 5

3. Writing part 2

4. Listening part 4

5. Speaking part 4

UNIT 4: STAR QUALITY

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng mô tả về cảm xúc (tính từ chỉ thái độ: Adjectives – ed & -ing), lĩnh vực giải trí và truyền thông, so sánh cách dùng thì Hiện tại hoàn thành với thì Hiện tại đơn.

2. Thực hành kiến thức đã học để nói về trạng thái cảm xúc của bản thân hay mọi người xung quanh, các loại hình giải trí hiện nay.

3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Reading part 4

3. Writing part 2

4. Listening part 1

5. Speaking part 2

UNIT 5: EXTREME DIET

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả từ vựng về thức ăn và thức uống, các vấn đề về sức khỏe, mô tả các hình thức tương lai của Khiếm khuyết động từ cũng như các cụm động từ.

2. Thực hành kiến thức đã học để miêu tả về thói quen ăn uống lành mạnh và không lành mạnh.

3. Thường xuyên tự nghiên cứu tài liệu, làm việc độc lập. Phát huy tinh thần sáng tạo và ham học hỏi, có ý thức tự trau dồi kiến thức.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Reading part 1

3. Writing part 1

4. Listening part 3

5. Speaking part 1

UNIT 6: MY HOME

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về House & Home, địa danh và các loại nhà, công trình xây dựng; phân biệt cách dùng Hiện tại hoàn thành với thì Quá khứ đơn.

2. Thực hành kiến thức đã học để đưa ra nhận xét mang tính so sánh.

3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Reading part 3

3. Writing part 2

4. Listening part 1

5. Speaking part 3

UNIT 7: IN THE WILD

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân loại từ vựng về chủ đề tự nhiên và môi trường; mô tả thì Quá khứ hoàn thành và phân biệt các loại câu tường thuật và cấu trúc bị động.

2. Phát triển kỹ năng làm các dạng đề bài thi.
3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân.

II. NỘI DUNG

- 1. Grammar**
- 2. Reading part 6**
- 3. Writing part 2**
- 4. Listening part 4**
- 5. Speaking part 2**

UNIT 8: WE'RE OFF!

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả từ vựng về các phương tiện giao thông, kỳ nghỉ và du lịch; phân biệt câu điều kiện loại 1 & 2.
2. Thực hành kiến thức đã học để nói về kì nghỉ đã qua của bản thân, các hoạt động trong kỳ nghỉ và lễ hội.
3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG

- 1. Grammar and Vocabulary**
- 2. Listening part 5**
- 3. Reading and Writing part 4**
- 4. Grammar and Vocabulary**
- 5. Reading and Writing part 7**
- 6. Speaking part 2**

F. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ HOÀN THÀNH KHOÁ BỒI DƯỠNG

I. Điều kiện thực hiện chương trình

- 1. Phòng học, phòng thực hành:** Người học được học trong lớp hoặc phòng thực hành tiếng.
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Máy tính, projector, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo.

II. Điều kiện hoàn thành khoá bồi dưỡng

Sau khi người học hoàn thành nội dung trong chương trình Ôn thi chứng chỉ Cambridge PET và có bài kiểm tra kết thúc khóa bồi dưỡng đạt yêu cầu sẽ được xét hoàn thành khóa học và được cấp “Giấy chứng nhận” hoàn thành khóa học theo quy định hiện hành.

G. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TRONG CHƯƠNG TRÌNH

I. Kiểm tra trong quá trình đào tạo

- Kiểm tra đầu khóa học: Khi bắt đầu khóa học, nhà giáo thực hiện kiểm tra, đánh giá về 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết đối với người học để tiến hành xếp lớp phù hợp với nội dung, phương pháp giảng dạy. Nội dung, phương pháp kiểm tra do nhà giáo trực tiếp giảng dạy lựa chọn, quyết định.

- Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ: do nhà giáo thực hiện trong quá trình giảng dạy. Số bài kiểm tra, nội dung, hình thức, thời gian kiểm tra do nhà giáo quyết định, nhưng ít nhất phải có 1 bài kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ; thời gian kiểm tra được bố trí trong thời gian thực hành của chương trình.

- Bài kiểm tra được đánh giá theo thang điểm 10, đạt yêu cầu từ 5,0 điểm trở lên. Mục đích kiểm tra trong quá trình đào tạo để giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học cho phù hợp với đối tượng.

II. Kiểm tra kết thúc khoá bồi dưỡng

1. Phương pháp, thang điểm đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đòi hỏi phải được thực hiện một cách nghiêm túc. Chỉ đánh giá và xét kết quả học tập đối với những người học có mặt và tham dự 80% các giờ học lý thuyết, 100% các giờ thảo luận, thực hành và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao.

Bài kiểm tra cuối khóa đánh giá theo thang điểm 10. Người học có bài kiểm tra cuối khóa phải đạt từ 5,0 điểm trở lên; người học có bài kiểm tra cuối khóa không đạt được từ điểm 5,0 trở lên thì phải ôn tập nội dung kiến thức và thực hành đã học để dự kiểm tra lại. Số lần kiểm tra lại tối đa là 2 lần. Nếu kiểm tra lại lần thứ hai vẫn không đạt yêu cầu, thì phải học lại (nếu người học có nhu cầu).

Kiểm tra kết thúc khóa bồi dưỡng gồm 4 bài kiểm tra:

- Nghe: Thời gian: 30 phút; hình thức: Trắc nghiệm+ tự luận (gồm 4 phần/ 25 câu hỏi).

- Đọc: Thời gian: 45 phút; hình thức: Trắc nghiệm + tự luận (gồm 6 phần/ 32 câu hỏi).

- Viết: Thời gian: 45 phút; hình thức: tự luận (gồm 2 phần).

- Nói: Thời gian: 12 phút/cặp thí sinh; hình thức: Vấn đáp (gồm 4 phần).

Thời gian kiểm tra kết thúc khoá bồi dưỡng không nằm trong thời gian đào tạo.

2. Nội dung đánh giá

2.1. Kiến thức

- Đánh giá thông qua 4 kỹ năng giao tiếp, người học cần đạt các yêu cầu sau:

- Phát triển vốn từ vựng, câu và cấu trúc thông dụng được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin cơ bản về gia đình, bản thân, mua sắm, địa lý địa phương, việc làm, chủ đề riêng biệt và cụ thể...) để làm bài thi.

- Phân biệt các điểm ngữ pháp thường gặp trong bài thi.

- Làm quen với các dạng câu hỏi, bài tập có trong cấu trúc đề thi theo format mới.

- củng cố và trang bị thêm một phần kiến thức cơ bản để nâng cao khả năng giao tiếp Tiếng Anh.

2.2. Kỹ năng

Đánh giá kỹ năng của người học thông qua 4 kỹ năng Nghe- Nói - Đọc -Viết.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau: nghiêm túc, chủ động trong học tập; có tài liệu bắt buộc, vở ghi chép và làm bài tập.

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Phạm vi áp dụng chương trình

Chương trình Ôn thi Chứng chỉ Cambridge PET được sử dụng để giảng dạy cho người học có nhu cầu nâng cao trình độ Tiếng Anh bậc 3 (B1) theo Khung tham chiếu Châu Âu.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập

1. Đối với nhà giáo

Đây là môn học gắn liền với thực hành kỹ năng ngôn ngữ nên nhà giáo cần áp dụng phương pháp giao tiếp vào trong giảng dạy, đưa các ví dụ thực tế vào bài học nhằm gây hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

2. Đối với người học

- Người học phải chuẩn bị bài và hoàn thành các nhiệm vụ được nhà giáo giao về nhà trước khi đến lớp.

- Tích cực tham gia các hoạt động được nhà giáo tổ chức trong lớp học, thường xuyên cập nhật, hoàn thành nhiệm vụ trên các trang web nhà giáo giao để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực ngôn ngữ.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Chương trình Ôn thi chứng chỉ Cambridge PET chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ cho người học nên cần quan tâm đến các hoạt động tích hợp để phát triển các kỹ năng giao tiếp.

I. CÁC CHÚ Ý KHÁC

Sau khi kết thúc khoá học này người học có thể tiếp tục học tiếp khoá học ôn thi chứng chỉ Cambridge ở trình độ cao hơn.

J. TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO

1. Sue Elliott, Amanda Thomas. Compact Preliminary for Schools (2nd edition): Cambridge University; 2020.

2. Sue Elliott, Amanda Thomas. Compact Preliminary for Schools (Workbook): Cambridge University; 2020.

3. Emma Heyderman, Peter May. Complete Preliminary for Schools: Cambridge University; 2020.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải